SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN TỪ DŨ

HỒ SƠ YÊU CẦU

MUA SẮM THUỐC BỔ SUNG NĂM 2020-2021 (LẦN 9)
GÓI THẦU THUỐC GENERIC

Phát hành ngày: thứ Năm ngày 20 tháng 01 năm 2022

(Ban hành kèm Quyết định số: 136/QĐ-BVTD ngày 17/01/2022 của Bệnh viện Từ Dũ)

Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Bệnh viện Từ Dũ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2022

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỪ DŨ

TS. BS. Lê Quang Thanh

MỤC LỤC

	Trang
Thông báo mời thầu	
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	**3**
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	**4**
CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	**11**
Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX	11
Mục 2. TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	11
Mục 3. TCĐG về kỹ thuật và khả năng cung cấp	12
Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về đơn giá	13
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU	**15**
Mẫu số 01	15
Mẫu số 02	17
Mẫu số 03	18
Mẫu số 04	19
CHƯƠNG IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU	**21**
Mục 1. Yêu cầu cập nhật thông tin về năng lực	21
Mục 2. Phạm vi và tiến độ cung cấp	21
Mục 3. Yêu cầu cam kết cung cấp thuốc	21
Mục 4. Yêu cầu về đơn giá	22
CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG	**23**
I. Điều kiện chung của hợp đồng	23
II. Điều kiện cụ thể của hợp đồng	28
III. Biểu mẫu hợp đồng	32
Mẫu số 05	32
Mẫu số 06	34
Mẫu số 07	35
Phụ lục 1. Danh mục thuốc mua sắm trực tiếp	**36**

MỤC LỤC

	Trang
Thông báo mời thầu	
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	**3**
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	**4**
CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	**11**
Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX	11
Mục 2. TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	11
Mục 3. TCĐG về kỹ thuật và khả năng cung cấp	12
Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về đơn giá	13
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU	**15**
Mẫu số 01	15
Mẫu số 02	17
Mẫu số 03	18
Mẫu số 04	19
CHƯƠNG IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU	**21**
Mục 1. Yêu cầu cập nhật thông tin về năng lực	21
Mục 2. Phạm vi và tiến độ cung cấp	21
Mục 3. Yêu cầu cam kết cung cấp thuốc	21
Mục 4. Yêu cầu về đơn giá	22
CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG	**23**
I. Điều kiện chung của hợp đồng	23
II. Điều kiện cụ thể của hợp đồng	28
III. Biểu mẫu hợp đồng	32
Mẫu số 05	32
Mẫu số 06	34
Mẫu số 07	35
Phụ lục 1. Danh mục thuốc mua sắm trực tiếp	**36**

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá
Thuế VAT	Thuế giá trị gia tăng
VND	Đồng Việt Nam

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục	Nội dung
1	**Thông tin tóm tắt về gói thầu** - Tên kế hoạch: Mua sắm thuốc bổ sung năm 2020-2021 (lần 9), - Tên gói thầu: Gói thầu thuốc generic. - Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Bệnh viện Từ Dũ. - Nội dung cung cấp chủ yếu: Theo danh mục thuốc yêu cầu tại phụ lục 1.
	Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn ngân sách nhà nước; nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán; các nguồn thu hợp pháp khác.
	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
	Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trực tiếp, phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ
	Thời gian thực hiện hợp đồng: Đến khi có kết quả đấu thầu năm 2021- 2022 (dự kiến ngày 30/5/2022).
2	**Tư cách hợp lệ của nhà thầu** Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng Yêu cầu sau: - Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; giấy chứng nhận thực hành tốt (GDP, hoặc GSP hoặc GMP tùy theo loại hình kinh doanh) còn hiệu lực. - Hạch toán tài chính độc lập; - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; - Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; - Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; - Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (cung cấp tài liệu chứng minh)
3	**Yêu cầu cập nhật thông tin về kinh nghiệm, năng lực** - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh - Bản chụp báo cáo tài chính năm gần nhất là năm 2020 để cập nhật năng lực tài chính (Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) (đối với nhà thầu thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán theo quy định thì Báo cáo tài chính phải là Báo cáo tài chính đã được kiểm toán) kèm theo một trong các tài liệu sau: bản chụp tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu biểu ngành thuế qui định (Có xác nhận của Cơ quan thuế) kèm theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc bản chụp biên bản kiểm tra (thanh tra) thuế. - Hợp đồng tương tự cung cấp thuốc trong 03 năm gần nhất (2019-2021) mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính. Hợp đồng cung cấp thuốc

	tương tự có giá trị tối thiểu bằng 70% giá trị các mặt hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự để cập nhật năng lực kinh nghiệm (bản chụp có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền hoặc có dấu sao y của công ty) (kèm biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hóa đơn bán hàng). *Lưu ý: Mặt hàng thuốc tại hợp đồng tương tự không bắt buộc là mặt hàng thuốc dự thầu.*
4	**Yêu cầu về cung cấp** a) Phạm vi yêu cầu cung cấp: Danh mục yêu cầu b) Tiến độ cung cấp: - Có Bản cam kết theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;
5	**Yêu cầu về kỹ thuật** 5.1. Thuốc dự thầu được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể: a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành còn hiệu lực tại Việt Nam. Trường hợp thuốc có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì thực hiện theo Mục 5.3 CDNT. b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Dược. c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp). 5.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp theo quy định tại HSYC (đúng thành phần, hàm lượng/nồng độ, số lượng được nêu tại Danh mục thuốc yêu cầu tại phụ lục 1). 5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu theo quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu của thuốc, về tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc theo quy định. Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực hoặc hết thời hạn gia hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh thuốc được sản xuất (đối với thuốc sản xuất tại Việt Nam) hoặc nhập khẩu (đối với thuốc nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam) trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành và đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu như yêu cầu bổ sung thẻ kho thể hiện xuất nhập tồn mặt hàng thuốc dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng. + Đối với trường hợp giấy phép GMP hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh thuốc được sản xuất trong thời hạn hiệu

	lực của GMP và đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu như yêu cầu bổ sung thẻ kho thể hiện xuất nhập tồn mặt hàng thuốc dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng. - Có cam kết (mẫu số 04 của HSYC) của nhà thầu về việc đáp ứng yêu cầu về tiến độ và phạm vi cung cấp để đánh giá Tiêu chí khả năng cung cấp trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và khả năng cung cấp. 5.4. Thuốc đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó; thỏa điều kiện quy mô của thuốc thuộc gói thầu đang xét phải nhỏ hơn 130% quy mô của thuốc cùng loại thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó; Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kèm danh mục có đóng dấu giáp lai (bao gồm trang đầu, trang cuối và trang thể hiện hàng hóa trúng thầu) và hợp đồng hoặc thỏa thuận khung được ký theo Quyết định trúng thầu kèm danh mục có đóng dấu giáp lai (bản chụp có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền). 5.5. Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu đề xuất đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.
6	**Yêu cầu về đơn giá** - Giá chào trong HSĐX là đơn giá đã có thuế VAT và được tính bằng đồng Việt Nam; - Giá chào trong HSĐX không được vượt quá đơn giá đã ký hợp đồng trước đó đồng thời phải phù hợp với giá thị trường và cũng không được vượt quá đơn giá được phê duyệt trong danh mục thuốc kèm theo HSYC (Phụ lục 1) - Giá thuốc nhà thầu cung cấp và được Chủ đầu tư thanh toán không cao hơn 5% so với giá thuốc cùng tên thương mại trúng thầu thấp nhất của các cơ sở y tế công lập Thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian 6 tháng của ngày có kết quả gói thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2020-2021 (lần 9), gói thầu thuốc generic theo Công văn số 2524/UBND-VX ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập của thành phố hoặc theo văn bản chỉ đạo mới của các cấp có thẩm quyền và Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung nêu trên (nếu có). Nếu có giảm giá, thời điểm áp dụng tính từ ngày bắt đầu ký hợp đồng đến khi hợp đồng hết hiệu lực. - Giá chào không vượt giá bán buôn kê khai/kê khai lại của thuốc và được niêm yết giá trên trang Thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược. Trường hợp giá bán buôn kê khai/kê khai lại của thuốc chưa được niêm yết giá trên trang Thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược, nhà thầu phải cung cấp tài liệu về việc kê khai, kê khai lại có hiệu lực đến thời điểm hết hiệu lực của HSĐX. Đến thời điểm thực hiện hợp đồng, nếu giá bán buôn kê khai/kê khai lại chưa được niêm yết giá trên trang Thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược, Bệnh viện sẽ không mua sắm thuốc do nhà thầu cung ứng cho đến khi giá bán buôn kê khai/kê khai lại được niêm yết giá trên trang Thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược. Trong quá trình xét thầu và thực hiện hợp

	đồng, trường hợp nhà thầu thay đổi thông tin về kê khai giá thì yêu cầu cung cấp cho Bên mời thầu thông báo về việc thay đổi thông tin kê khai giá và các tài liệu chứng minh kèm theo. - Hồ sơ cung cấp giá bán buôn kê khai hoặc kê khai lại đang còn hiệu lực do các cơ sở sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc kê khai.
7	**Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ sử dụng** - Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc quá trình tham dự chào hàng. - Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND. - HSĐX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung. - Nhà thầu có thể tham dự chào thầu một hoặc nhiều mặt hàng của gói thầu. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng mặt hàng thuốc. Đề xuất giảm giá có thể ghi trực tiếp trong Đơn đề xuất hoặc trong Thư giảm giá riêng.
8	**Thành phần của HSĐX** HSĐX phải bao gồm các thành phần sau: 1. Đơn đề xuất theo quy định Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu; Đơn đề xuất do nhà thầu chuẩn bị và điền theo mẫu số 1 có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp - mẫu số 2 Chương III - Biểu mẫu) 2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu; 3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu và các tài liệu liên quan khác; 4. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc dự thầu; 5. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu; 6. Bản cam kết theo mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu; 7. Các nội dung khác (nếu có)

9	**Thời hạn có hiệu lực của HSĐX** 1. HSĐX có hiệu lực là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSĐX thì HSĐX của nhà thầu không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
10	**Đơn đề xuất mua sắm trực tiếp** Đơn đề xuất do nhà thầu chuẩn bị và điền theo mẫu số 01 có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp - mẫu số 02).
11	Địa chỉ Bên mời thầu: **BỆNH VIỆN TỪ DŨ** - Địa chỉ: **284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.** - ĐT: (028) 54042829-343 hoặc (028) 54042841.
12	Số lượng HSĐX phải nộp: mỗi nhà thầu nộp - 01 bản gốc, 01 bản chụp - Nhà thầu phải đảm bảo các bản có nội dung đồng nhất và được để trong phong bì có dấu niêm phong. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.

<table>
<tr><td>13</td><td>Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSĐX:
- Phong bì chứa hồ sơ đề xuất được dán kín và có đóng dấu niêm phong, bên ngoài có ghi rõ tên nhà thầu, địa chỉ, số điện thoại nhà thầu.
Cách trình bày các thông tin trên mỗi túi đựng HSĐX:

Tên nhà thầu:
Điện thoại, Fax:
Kính gửi: BỆNH VIỆN TỪ DŨ
Địa chỉ: 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

HỒ SƠ ĐỀ XUẤT
(Nhà thầu ghi rõ bản gốc hoặc bản chụp)
Mua sắm thuốc bổ sung năm 2020-2021 (lần 9)
Gói thầu thuốc generic

Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Bệnh viện Từ Dũ</td></tr>
<tr><td>14</td><td>- Hạn chót nộp HSĐX: 08 giờ 30 phút, thứ hai ngày 14 tháng 02 năm 2022
- Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSĐX):
Nơi nhận:
• Khoa Dược, Bệnh viện Từ Dũ
• Tên đường, phố: 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
• Số điện thoại: (028) 54042829-343 hoặc (028) 54042841.</td></tr>
<tr><td>15</td><td>Thời điểm mở HSĐX:
Việc mở HSĐX sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 09 giờ 00 phút, thứ hai ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại địa điểm Khoa Dược, Bệnh viện Từ Dũ. Việc mở HSĐX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự mua sắm trực tiếp</td></tr>
<tr><td>16</td><td>Làm rõ HSĐX
1. Sau khi mở HSĐX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của Bên mời thầu, Bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSĐX của nhà thầu.
2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Bên mời thầu trong vòng 03 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSĐX. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX.
3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp và không thay đổi giá chào.</td></tr>
</table>

17	**Điều kiện xét duyệt trúng thầu** Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 17.1. Có HSĐX hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX; 17.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II –Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX; 17.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX; 17.4. Có đơn giá đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.
18	**Đảm bảo thực hiện hợp đồng** - Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 07 Chương V - Mục III - Biểu mẫu hợp đồng). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% Giá hợp đồng. Đối với giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng ≤ 1 triệu đồng thì nhà thầu có thể đóng bằng tiền mặt tại phòng Tài chính kế toán của Bên mời thầu. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ thuốc được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Được áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí "Đạt", "Không đạt". HSĐX phải đạt cả 04 mục thì mới được xét trúng thầu.

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐX theo quy định tại Mục 8 chương I - CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX:

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSYC;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

đ) Thời hạn hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I - CDNT;

e) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I - CDNT.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
TT	Mô tả	Yêu cầu	
1	Tư cách hợp lệ của Nhà thầu	- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc.	Có
2		- Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc.	Có
3		- Có Giấy chứng nhận thực hành tốt (GDP, hoặc GSP hoặc GMP tùy theo loại hình kinh doanh) còn hiệu lực.	Có

4	Cập nhật năng lực kinh nghiệm	Bản chụp báo cáo tài chính năm gần nhất là năm 2020 để cập nhật năng lực tài chính (đối với nhà thầu thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán theo quy định thì Báo cáo tài chính phải là Báo cáo tài chính đã được kiểm toán). Kèm theo một trong các tài liệu sau: bản chụp tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu biểu ngành thuế qui định (Có xác nhận của Cơ quan thuế) hoặc bản chụp biên bản kiểm tra (thanh tra) thuế.	Có
5		≥ **01** Hợp đồng tương tự cung cấp thuốc trong 03 năm gần nhất (2019-2021) mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính. Hợp đồng cung cấp thuốc tương tự có giá trị tối thiểu bằng 70% giá trị các mặt hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự để cập nhật năng lực kinh nghiệm (bản chụp có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền hoặc có dấu sao y của công ty) *(kèm biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hóa đơn bán hàng).* *Lưu ý: Mặt hàng thuốc tại hợp đồng tương tự không bắt buộc là mặt hàng thuốc dự thầu.*	Có
Đánh giá	**KẾT LUẬN**	- **ĐẠT** khi đáp ứng cả 5 nội dung trên. - **KHÔNG ĐẠT** khi không đáp ứng ít nhất 1 trong 5 nội dung trên	

Nhà thầu có đạt về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật và giá.

Mục 3. TCĐG về kỹ thuật và khả năng cung cấp

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và khả năng cung cấp HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và khả năng cung cấp khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

MỤC	**Nội dung yêu cầu** **Tiêu chuẩn kỹ thuật**	**Mức độ đáp ứng**	
1	Tên thành phần	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
2	Hàm lượng/nồng độ, Dạng bào chế, Đơn vị tính		
3	Giấy đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp Hoặc có giấy phép nhập khẩu thuốc do Bộ Y tế cấp theo quy định (Mục 5 CDNT)	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu

4	Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ của thuốc dự thầu phù hợp với HSYC	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
5	Thuốc dự thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng hoặc thỏa thuận khung thực hiện gói thầu trước đó	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
6	Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kèm danh mục có đóng dấu giáp lai (bao gồm trang đầu, trang cuối và trang thể hiện hàng hóa trúng thầu) và hợp đồng hoặc thỏa thuận khung được ký theo Quyết định trúng thầu kèm danh mục có đóng dấu giáp lai (bản chụp có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền)	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
7	130% số lượng của thuốc đã ký hợp đồng trước đó phải lớn hơn số lượng thuốc dự thầu	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
8	Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
	Khả năng cung cấp		
9	Bản cam kết đầy đủ, chính xác nội dung theo mẫu số 04	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
Đánh giá	**KẾT LUẬN**	- **ĐẠT** nếu đáp ứng cả 9 nội dung trên - **KHÔNG ĐẠT** nếu không đáp ứng ít nhất 1 trong 9 nội dung trên	

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về đơn giá

Sử dụng phương pháp giá thấp nhất. HSĐX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

MỤC	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Giá chào trong HSĐX là đơn giá đã có thuế VAT và được tính bằng đồng Việt Nam	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu

2	Giá chào trong HSĐX: - không được vượt quá đơn giá đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời phải phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thương thảo, hoàn thiện hợp đồng - không được vượt quá đơn giá được phê duyệt trong danh mục thuốc kèm theo của HSYC (Phụ lục 1) - không được cao hơn giá bán buôn kê khai hoặc kê khai lại đang còn hiệu lực do các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc kê khai với cơ quan quản lý nhà nước	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
3	Hồ sơ cung cấp giá bán buôn kê khai hoặc kê khai lại còn hiệu lực do các cơ sở sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc kê khai và giá chào trong HSĐX không cao hơn giá kê khai hoặc kê khai lại đang có trên trang thông tư điện tử của Cục Quản lý Dược	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
Đánh giá	**KẾT LUẬN**	- **ĐẠT** nếu đáp ứng cả 3 nội dung 1,2,3 - **KHÔNG ĐẠT** nếu không đáp ứng ít nhất 1 trong 3 nội dung 1,2,3	

Trường hợp có ít nhất hai nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) được xếp hạng nhất bằng nhau thì lựa chọn mặt hàng thuốc để xem xét đề nghị trúng thầu theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Ưu tiên 1: Mặt hàng thuốc sản xuất trong nước có chất lượng tương đương;

- Ưu tiên 2: Chọn mặt hàng thuốc có chất lượng, hiệu quả đã sử dụng tại cơ sở y tế: căn cứ vào hạn dùng của thuốc, tình trạng vi phạm chất lượng thuốc, thời gian thuốc đã được sử dụng tại cơ sở y tế;

- Ưu tiên 3: Chọn mặt hàng của nhà thầu có kinh nghiệm, uy tín trong cung ứng thuốc vào cơ sở y tế: căn cứ vào kinh nghiệm cung ứng của nhà thầu, uy tín của nhà thầu trong cung ứng thuốc tại cơ sở y tế như việc bảo đảm cung ứng, việc thực hiện thu hồi thuốc, có hệ thống phân phối trên địa bàn.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT (1)

Ngày:___*[ghi ngày tháng năm ký đơn đề xuất]*
Tên gói thầu:___*[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*
Thư mời thầu số:__*[ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]*
Kính gửi:___*[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu ____*[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____*[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____*[ghi giá trị bằng số,bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* (2) cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* (3).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 60 (4) ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____(5).

....., ngày ..... tháng..... năm.....
Đại diện hợp pháp của nhà thầu (6)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn đề xuất phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSĐX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ

thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSĐX.

(4) Ghi cụ thể số ngày có hiệu lực, không được ít hơn số ngày quy định. Thời gian có hiệu lực của HSĐX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(5) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN(1)

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____
Tôi là ____*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]*thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]*do____*[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:
[- Ký đơn đề xuất;
- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX hoặc văn bản đề nghị rút HSĐX, sửa đổi, thay thế HSĐX;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn](2).
- Ký bản xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____(3). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ___bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ___bản.

....., ngày ..... tháng..... năm.....,	ngày ..... tháng..... năm.....
Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:
(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn đề xuất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.
(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có thể bổ sung thêm các nội dung ủy quyền khác.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU GIÁ DỰ THẦU

Tên nhà thầu:

Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu [1]:

Tên gói thầu:

STT	STT trong HSYC	Mã TT 30	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng, nồng độ	Đường dùng	Đơn vị tính [2]	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số lượng	Đơn giá dự thầu[4]	Thành tiền	Đơn vị trúng thầu	Thông báo/Quyết định trúng thầu	Hợp đồng trúng thầu theo quyết định	Giá kê khai [3]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)

Ghi chú:

1. Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU-GMP hoặc tương đương EUGMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.

2. Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên, ống, lọ, tuýp, gói, chai...).

3. Giá kê khai: Tính theo Đồng Việt Nam (VND), đã có thuế giá trị gia tăng (VAT).

4. Đơn giá dự thầu: Tính theo Đồng Việt Nam (VND), đã có thuế giá trị gia tăng (VAT).

....., ngày ..... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 04

BẢN CAM KẾT

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: BỆNH VIỆN TỪ DŨ

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu "Mua sắm thuốc bổ sung năm 2020-2021 (lần 9), gói thầu thuốc generic", chúng tôi, *[điền tên nhà thầu],* cam kết các nội dung như sau:

1. Đảm bảo đáp ứng về thời hạn giao hàng: Thời hạn giao hàng là 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Từ Dũ; Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu vận chuyển đến địa điểm cung cấp: Đảm bảo giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán ký kết với Bệnh viện Từ Dũ;

2. Thời hạn thanh toán: chấp nhận thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật, hoàn tất thủ tục thanh toán (giao hàng, biên bản giao nhận hàng, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ, biên bản nghiệm thu theo từng tháng, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu 8a), giấy ủy quyền đúng mẫu và các chứng từ thanh toán hợp lệ khác trong phạm vi trách nhiệm của Bên bán theo từng đợt);

3. Đảm bảo cung cấp đủ số lượng trong Hồ sơ yêu cầu (nếu trúng thầu). Đảm bảo đơn giá theo giá trúng thầu;

4. Cam kết cung cấp thuốc theo tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành;

5. Cam kết thu hồi thuốc trong trường hợp đã giao nhưng không bảo đảm chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu;

6. Thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng (sau khi có kết quả mua sắm trực tiếp) theo nội dung tại Điều 06- Chương V. Yêu cầu về hợp đồng;

7. Đảm bảo đáp ứng về thời hạn hợp đồng, đảm bảo cung cấp hàng hóa theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Bệnh viện Từ Dũ và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau;

8. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho Bệnh viện Từ Dũ bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm hoặc trường hợp đặc biệt chủ đầu tư/bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo.

9. Chấp nhận giảm giá nếu giá thuốc trúng thầu và thanh toán với nhà thầu tại Bệnh viện Từ Dũ cao hơn 5% so với giá thuốc cùng tên thương mại trúng thầu thấp nhất tại các cơ sở y tế công lập thành phố trong khoảng thời gian 6 tháng của đợt đấu thầu hằng năm theo Công văn số 2524/UBND-VX ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về

việc mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập của thành phố hoặc theo văn bản chỉ đạo mới của các cấp có thẩm quyền về nội dung nêu trên (nếu có). Nếu có giảm giá, thời điểm áp dụng tính từ ngày bắt đầu ký hợp đồng đến khi hợp đồng hết hiệu lực.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

CHƯƠNG IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Yêu cầu cập nhật thông tin về năng lực

dẫn chiếu mục 2 Chương II.

Mục 2. Phạm vi và tiến độ cung cấp

1. Phạm vi cung cấp và dịch vụ liên quan (nếu có)

PHẠM VI CUNG CẤP

Theo danh mục thuốc đính kèm trong HSYC (Phụ lục 1)

2. Biểu tiến độ cung cấp

BIỂU TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Thuốc được giao phải đầy đủ số lượng của HSYC, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng thuốc trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện Từ Dũ và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong hồ sơ đề xuất.

Thuốc phải được giao theo từng đơn hàng của Bệnh viện Từ Dũ trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bệnh viện.

Nhà thầu phải giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán ký kết với Bệnh viện Từ Dũ.

Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Bệnh viện Từ Dũ và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

Nhà thầu thể hiện theo mẫu cam kết – Mẫu số 04 Chương III.

Mục 3. Yêu cầu cam kết cung cấp thuốc

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

3.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu thuốc generic

Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc bổ sung năm 2020 - 2021 (lần 9)

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Nội dung cung cấp chủ yếu: Theo danh mục yêu cầu Phụ lục 1 đính kèm trong HSYC.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý 3/2021.

3.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cấp phép lưu hành.

- Yêu cầu về hạn sử dụng: thể hiện theo mẫu cam kết – Mẫu số 04 Chương III

- Thuốc phải đúng yêu cầu theo danh mục yêu cầu đính kèm trong HSYC (Phụ lục 1)

- Thông tin về tên mặt hàng thuốc tham dự thầu, số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu đối với thuốc chưa có số đăng ký do Cục Quản lý dược cấp và các thông tin khác có liên quan.

Mục 4. Yêu cầu về đơn giá

nêu tại Mục 6 Chương I và mục 4 Chương II.

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Tên thành phần	Hàm lượng, nồng độ	Dạng bào chế/ Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cung cấp

Lưu ý: cột 'Tiến độ cung cấp" nhà thầu chỉ cần ghi theo **"mẫu cam kết"**

CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

I. Điều kiện chung của hợp đồng

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư/Bên mời thầu" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.4. "Nhà thầu phụ" là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSĐX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSĐX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSĐX được Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấp thuận; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng; 2.3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; 2.4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.5. ĐKCT; 2.6. ĐKC; 2.7. HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX của Nhà thầu; 2.8. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); 2.9. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**, Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.

5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư/Bên mời thầu không muộn hơn ngày quy định. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSĐX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư/Bên mời thầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSĐX. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Phụ lục 1 của HSYC và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **ĐKCT**.
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.

12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**. 12.2. Giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư/Bên mời thầu.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư/Bên mời thầu, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc đại diện của Chủ đầu tư/Bên mời thầu đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư/Bên mời thầu, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 17.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư/Bên mời thầu. Khi Chủ đầu tư/Bên mời thầu có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư/Bên mời thầu các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Phụ lục 1;
19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại **ĐKCT** phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như

	khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại **ĐKCT**.
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại **ĐKCT**.
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc đại diện của Chủ đầu tư/Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại **ĐKCT**. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư/Bên mời thầu có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư/Bên mời thầu sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc. 24.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại **ĐKCT**.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư/Bên mời thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình

	theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư/Bên mời thầu phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**. 26.2. Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 27.4. Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT**.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư/Bên mời thầu gia hạn; b) Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu

	tư/Bên mời thầu những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư/Bên mời thầu không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư/Bên mời thầu được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.
29. Bảo hành	1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác trong ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa. 2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa được nêu trong ĐKCT

II. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư/Bên mời thầu là: Bệnh viện Từ Dũ
ĐKC 1.3	Nhà thầu:_____*[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].*
ĐKC 1.9	Địa điểm giao hàng cuối cùng là: Khoa Dược, Bệnh viện Từ Dũ - 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. HCM
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục danh mục thuốc); 2. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng; 3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; 4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 6. Điều kiện chung của hợp đồng; 7. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 8. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ yêu cầu (nếu có); 9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
ĐKC 4	Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư/Bên mời thầu theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ + Địa chỉ: 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. HCM + Điện thoại: (028) 54042829-292

ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 7 – Biểu mẫu về hợp đồng). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. Đối với giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng ≤ 1 triệu đồng thì nhà thầu có thể đóng bằng tiền mặt tại phòng Tài chính kế toán của Bên mời thầu. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ thuốc được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng giữa nhà thầu và các cơ sở y tế công lập có liên quan.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: *[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSĐX].*
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không có
ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày - Giải quyết tranh chấp: theo quy định của pháp luật hiện hành.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: Thuốc được giao nhận phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ đi kèm. Lưu ý: hóa đơn phải ghi đầy đủ lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng, nước sản xuất, quy cách đóng gói và theo yêu cầu của Bệnh viện. Chủ đầu tư/Bên mời thầu phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
ĐKC 13	Giá hợp đồng: ____*[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng].*
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: không được phép
ĐKC 15.1	Phương thức thanh toán: Việc thanh toán giá trị thuốc y tế cung cấp được thực hiện giữa bệnh viện và nhà thầu. - Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản. - Điều kiện thanh toán: Thuốc y tế được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho bệnh viện, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Thời hạn thanh toán: thời hạn thanh toán tối đa giữa bệnh viện và nhà thầu là 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật, hoàn tất thủ tục thanh toán (giao hàng, biên bản giao nhận hàng, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ, biên bản nghiệm thu theo

	từng tháng, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu 8a), giấy ủy quyền đúng mẫu và các chứng từ thanh toán hợp lệ khác trong phạm vi trách nhiệm của nhà thầu theo từng đợt).
ĐKC 19	Đóng gói thuốc: - Thuốc phải được đóng gói, bảo quản theo đúng quy cách và yêu cầu của nhà sản xuất theo đúng danh mục ghi trong hợp đồng. - Thuốc phải được đóng gói đúng yêu cầu (nguyên đai, kiện, hộp với hàng chẵn kiện); còn nguyên nhãn mác (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng. - Với các thuốc lẻ (không đủ kiện đóng thùng), nhà thầu cần đóng gói theo đúng nguyên tắc GSP khi giao nhận, vận chuyển.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu có thể mua bảo hiểm thuốc y tế cung cấp theo hợp đồng bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi để được bảo hiểm đầy đủ, bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng
ĐKC 21	- Yêu cầu về vận chuyển thuốc: Thuốc phải được giao tại kho của khoa Dược bệnh viện - Các yêu cầu khác: không yêu cầu
ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: sẽ quy định chi tiết trong thương thảo hợp đồng.
ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% Mức khấu trừ: 0,1% giá trị trúng thầu cho mỗi ngày chậm tiến độ. Mức khấu trừ tối đa: 8% giá trị trúng thầu bị vi phạm
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: Thuốc được giao không đảm bảo chất lượng trong quá trình kiểm tra, kiểm nghiệm, trong quá trình sử dụng hoặc khi có công bố của cơ quan có thẩm quyền phải được nhà thầu thu hồi và cung cấp lại theo đúng tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu của HSYC.
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm hoặc trường hợp đặc biệt chủ đầu tư/bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: + Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh; + Nhà thầu phải tiến hành khắc phục thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc bên mua trong vòng 48 giờ; chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc và Nhà thầu

	phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục.
ĐKC 26.1(đ)	1. Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trong trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình đấu thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu, Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể xem xét để nhà thầu thay thế thuốc, cụ thể: - Thay đổi số đăng ký do thực hiện thủ tục đăng ký lại hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu mới nhưng các thông tin khác không thay đổi (tên thuốc, nhà sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tuổi thọ, phân nhóm thuốc dự thầu). - Thay đổi liên quan đến tên thuốc, tên nhà máy sản xuất, quy cách đóng gói trong quá trình lưu hành có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước, nhưng số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu không thay đổi. Trong trường hợp thay thế thuốc, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: bản sao (có dấu xác nhận của nhà thầu) Giấy phép lưu hành sản phẩm (MA) hoặc Giấy chứng nhận sản phẩm dược (CPP), các công văn cho phép thay đổi, bổ sung của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có), mẫu nhãn hoặc Tờ hướng dẫn sử dụng có dấu xác nhận của cơ quan cấp phép và thuyết minh về tiêu chuẩn chất lượng không thay đổi của thuốc dự thầu, thuốc đề xuất thay thế. *Trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu nhưng thuốc thay thế chưa được chào trong hồ sơ đề xuất, chủ đầu tư/bên mời thầu được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc theo quy định tại Khoản 6 Điều 37 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019.* 2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp Bộ Y tế hoặc Bảo hiểm xã hội Việt Nam công bố: - Kết quả đàm phán giá thuốc đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc đàm phán giá do Bộ Y tế thực hiện. - Kết quả đấu thầu thuốc tập trung cấp quốc gia đối với danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Bộ Y tế (Trung tâm mua sắm thuốc tập trung quốc gia) hoặc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện. Nếu giá trúng thầu đang thực hiện hợp đồng cao hơn giá thuốc đàm phán giá hoặc giá thuốc trúng thầu tập trung quốc gia đối với các thuốc tương tự (cùng hoạt chất/tên thương mại, hàm lượng, dạng bào chế, phân nhóm kỹ thuật...) thì nhà thầu phải thực hiện điều chỉnh giá thuốc không cao hơn giá các thuốc này. 3. Các trường hợp cần hiệu chỉnh, bổ sung khác (nếu có).
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Không yêu cầu.
ĐKC 28.1(d)	Các hành vi khác: Không yêu cầu.

III. Biểu mẫu hợp đồng

Mẫu số 05

HỢP ĐỒNG [1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____
Gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]*
- Căn cứ (2) ___*(Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội);*
- Căn cứ (2)____*(Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);*
- Căn cứ (2)____*(Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);*

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;
Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)
Tên Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư]:* _____
Địa chỉ:_____
Điện thoại: _____
Fax: _____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế:_____
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ:_____
Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)
Tên Nhà thầu :___*[ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:*
Địa chỉ:_____
Điện thoại: _____
Fax: _____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế:_____
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ:_____
Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ngày ___tháng ___năm ___*(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục

khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ yêu cầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A(3)

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B(3)

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ___*[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán:____*[ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 15.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng của hồ sơ yêu cầu]*.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____*(ghi theo Mục 1- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu)*.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Chủ đầu tư/Bên mời thầu giữ ____ bộ, Nhà thầu giữ ____bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Hợp đồng phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm giữa nhà thầu và cơ sở y tế về việc không giao hàng đúng tiến độ, số lượng và việc thanh toán không đúng hạn, sử dụng thuốc không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 theo hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu và cơ sở y tế.

Mẫu số 06

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số ..., ngày.... tháng...năm...)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(có VAT)*	Thành tiền *(có VAT)*
1												
2												
3												
...												
Tổng cộng giá hợp đồng *(Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)*												

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 07

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

Số: .....

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____*[ghi tên cơ sở y tế ký hợp đồng]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư/Bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);[2]

Theo quy định trong HSYC *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/Bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở ____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng[3]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1* ***ĐKCT*** *của HSYC]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư/Bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư/Bên mời thầu thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày____tháng____ năm ____[4].

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư/Bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____[ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số__[ghi số hợp đồng] ngày__ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ***ĐKCT****.*

Phụ lục 1. Danh mục thuốc mua sắm trực tiếp

MUA SẮM THUỐC BỔ SUNG NĂM 2020-2021 (LẦN 9)

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
Nhóm 1										
1	Acid amin (Dinh dưỡng cho trẻ em)	6,5%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 100ml	Nhóm 1	3.200	129.000	412.800.000
2	Acid amin + glucose + lipid (+ điện giải)	6,3% + 18,75% + 15%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Túi/chai	Túi/chai 1000ml	Nhóm 1	100	696.500	69.650.000
3	Albumin	25%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 50ml	Nhóm 1	600	836.000	501.600.000
4	Bevacizumab	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 4ml	Nhóm 1	25	5.800.106	145.002.650
5	Bevacizumab	400mg/16ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 16ml	Nhóm 1	10	21.186.375	211.863.750

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
6	Budesonid	0,5mg/2ml	Hô Hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/túi/ ống/nang	Chai/lọ/ống/ nang 2ml	Nhóm 1	200	13.834	2.766.800
7	Cefotaxim	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	40.000	19.215	768.600.000
8	Cisplatin	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	200	207.995	41.599.000
9	Diazepam	5mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 1	700	1.260	882.000
10	Dopamin hydroclorid	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	210	24.000	5.040.000
11	Enoxaparin natri	40mg (4000 anti-Xa IU/0,4ml)	Tiêm	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	Bơm tiêm 0,4ml	Nhóm 1	6.400	70.000	448.000.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	Enoxaparin natri	60mg (6000 anti-Xa IU/0,6ml)	Tiêm	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	Bơm tiêm 0,6ml	Nhóm 1	1.600	95.000	152.000.000
13	Ertapenem	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	300	552.421	165.726.300
14	Fluconazol	200mg/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 100ml	Nhóm 1	50	209.000	10.450.000
15	Heparin natri	25.000UI/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 5ml	Nhóm 1	100	199.500	19.950.000
16	Hepatitis B immune globulin (HBIG)	200UI/ 0,4ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm Tiêm/lọ/ống		Nhóm 1	680	2.000.000	1.360.000.000
17	Ifosfamid	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	40	385.000	15.400.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
18	Imipenem + Cilastatin	0,5g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	1.000	70.450	70.450.000
19	Immune globulin	2,5g/50ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	30	3.400.000	102.000.000
20	Insulin analog, tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	300 U (tương đương 42,6mg)/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	Bút tiêm 3ml	Nhóm 1	50	276.000	13.800.000
21	Lidocain	10%	Dùng Ngoài	Thuốc phun mù/Thuốc xịt ngoài da	Chai/lọ	Chai/lọ 38g	Nhóm 1	20	159.000	3.180.000
22	Lidocain hydroclorid	2%	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Tuýp 30g	Nhóm 1	80	55.600	4.448.000
23	Linezolid	600mg/ 300ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	120	719.000	86.280.000
24	Meropenem	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	500	129.000	64.500.000
25	Midazolam	5mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	3.890	18.900	73.521.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
26	Morphin hydroclorid hoặc Morphin sulfat	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	400	27.930	11.172.000
27	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	Chai/lọ/ống 1ml	Nhóm 1	9.000	12.800	115.200.000
28	Nhũ dịch lipid	20% (Medium-chain triglycerides 10,0g + Soya-bean Oil 10,0g)/ 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	Chai/Lọ/Túi 250ml	Nhóm 1	20	149.500	2.990.000
29	Nhũ dịch lipid	20% (100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g + triglycerid mạch trung bình 6g + dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g)	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi 100ml	Nhóm 1	160	97.000	15.520.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
30	Nicardipin hydroclorid	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	1.200	124.999	149.998.800
31	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	Chai/lọ/ống 1ml	Nhóm 1	500	35.000	17.500.000
32	Paracetamol (Acetaminophen)	80mg	Đặt	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Viên		Nhóm 1	140	1.890	264.600
33	Phenylephrin	50mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm/Bút tiêm	Bơm tiêm/bút tiêm 10ml	Nhóm 1	300	194.500	58.350.000
34	Phenylephrin	50mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm Tiêm/lọ/ống	Bơm tiêm/lọ/ống 10ml	Nhóm 1	1.100	121.275	133.402.500
35	Phospholipid chiết từ phổi lợn	120mg/ 1,5ml	Nội Khí Quản	Hỗn dịch dùng đường nội khí quản	Lọ/Ống	Lọ 1,5ml	Nhóm 1	240	13.990.000	3.357.600.000
36	Phospholipids	25mg/ml	Nội Khí Quản	Hỗn dịch dùng đường nội khí quản	Lọ/Ống	Lọ 4ml	Nhóm 1	160	8.304.000	1.328.640.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
37	Progesteron	100mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 1	8.000	6.500	52.000.000
38	Progesteron	200mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 1	8.000	13.000	104.000.000
39	Sắt sucrose (hay dextran)	100mg sắt	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	350	89.000	31.150.000
40	Sevoflurane	250ml	Hô Hấp	Dung dịch gây mê đường hô hấp	Chai/lọ	Chai/lọ 250ml	Nhóm 1	160	1.560.000	249.600.000
41	Sufentanil	50mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ống	Chai/Lọ/ống 1ml	Nhóm 1	2.000	48.000	96.000.000
42	Sugammadex	100mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ống	Chai/Lọ/ống 2ml	Nhóm 1	180	1.814.340	326.581.200
43	Suxamethonium clorid	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	3.000	19.564	58.692.000
44	Teicoplanin	400mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 1	50	425.000	21.250.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
45	Vitamin D3	15.000UI/ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ	Chai/Lọ 10ml	Nhóm 1	400	64.500	25.800.000
46	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella		Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Liều		Nhóm 1	500	164.620	82.310.000
47	Vắc xin phối hợp phòng 4 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều		Nhóm 1	200	378.672	75.734.400
48	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều		Nhóm 1	4.000	823.000	3.292.000.000
49	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều		Nhóm 1	800	865.200	692.160.000
50	Vắc xin phòng cúm mùa (4 chủng) (dành cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi trờ lên)	15mcg HA/chủng/ 0,5ml/ liều	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều		Nhóm 1	779	270.000	210.330.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
51	Vắc xin phòng Thủy đậu	≥ 1.350 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Liều		Nhóm 1	600	714.440	428.664.000
52	Vắc xin phòng Thủy đậu	≥ 10^3,3 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Liều		Nhóm 1	500	764.000	382.000.000
53	Vắc xin phòng Tiêu chảy do RotaVi rút	1,5ml/liều	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch/ hỗn dịch uống	Liều		Nhóm 1	2.000	700.719	1.401.438.000
54	Vắc xin phòng Tiêu chảy do RotaVi rút	2ml/liều	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch/ hỗn dịch uống	Liều		Nhóm 1	1.200	535.320	642.384.000
55	Vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều		Nhóm 1	2.400	1.509.600	3.623.040.000
56	Vắc xin polysaccharide phế cầu liên hợp với protein D của Haemophilus influenzae không định tuýp	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều		Nhóm 1	3.000	829.900	2.489.700.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
Nhóm 2										
57	Dobutamin	250mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 2	60	40.000	2.400.000
58	Famotidin	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 2	200	34.965	6.993.000
59	Heparin natri	25.000UI/ 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 5ml	Nhóm 2	100	147.000	14.700.000
60	Immune globulin	2,5g/50ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 2	20	2.910.000	58.200.000
61	Meropenem	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 2	600	106.000	63.600.000
62	Phytomenadion (vitamin K1) - không có cồn Benzylic dùng được cho trẻ sơ sinh	10mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ống	Chai/Lọ/ống 1ml	Nhóm 2	1.800	11.000	19.800.000
Nhóm 3										

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
63	Cefadroxil	500mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 3	80.000	2.100	168.000.000
64	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	325mg + 37,5mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 3	1.080	2.100	2.268.000
Nhóm 4										
65	Cafein (citrat)	30mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	3.000	42.000	126.000.000
66	Cefadroxil	500mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 4	80.000	768	61.440.000
67	Cefotaxim	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	85.000	5.124	435.540.000
68	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 4	3.500	2.705	9.467.500
69	Ciprofloxacin	200mg/ 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 100ml	Nhóm 4	200	15.771	3.154.200

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
70	Colistin	1MUI	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	200	199.000	39.800.000
71	Diazepam	5mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 4	800	240	192.000
72	Diazepam	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	40	4.480	179.200
73	Diclofenac	100mg	Đặt	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Viên		Nhóm 4	52.400	11.500	602.600.000
74	Diphenhydramin hydroclorid	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	700	540	378.000
75	Famotidin	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	200	31.500	6.300.000
76	Glucose	30%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 250ml	Nhóm 4	7.200	11.000	79.200.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
77	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	400mg + 400mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 4	2.000	290	580.000
78	Misoprostol	200mcg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 4	25.000	3.412	85.300.000
79	Morphin hydroclorid hoặc Morphin sulfat	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	6.400	7.000	44.800.000
80	Natri clorid	0,9%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	100ml dung dịch trong dung tích 250ml	Nhóm 4	15.300	7.300	111.690.000
81	Natri clorid	0,9%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi 100ml	Nhóm 4	24.690	6.825	168.509.250
82	Natri clorid	0,9%	Nhỏ Mắt, Nhỏ Mũi	Thuốc nhỏ mắt, Thuốc nhỏ mũi	Chai/lọ/ống	Chai/lọ/ống 10ml	Nhóm 4	500	1.320	660.000
83	Natri clorid	0,9%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi 1000ml	Nhóm 4	6.000	15.435	92.610.000
84	Natri clorid	0,9%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi/ 500ml	Nhóm 4	6.500	7.350	47.775.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
85	Natri clorid	10%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi 250ml	Nhóm 4	50	11.897	594.850
86	Nefopam hydroclorid	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	2.800	3.150	8.820.000
87	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 1ml	Nhóm 4	9.000	5.460	49.140.000
88	Nicardipin hydroclorid	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	400	84.000	33.600.000
89	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ống	Chai/Lọ/ống 1ml	Nhóm 4	500	26.000	13.000.000
90	Nước cất pha tiêm		Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi 100ml	Nhóm 4	6.000	6.800	40.800.000
91	Nước cất pha tiêm		Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi/ ống 500ml	Nhóm 4	5.000	8.715	43.575.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
92	Paracetamol (Acetaminophen)	1g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	Chai/lọ/túi 100ml	Nhóm 4	30.000	11.000	330.000.000
93	Phenobarbital	100mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 4	300	231	69.300
94	Piperacillin + Tazobactam	4g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	5.000	65.982	329.910.000
95	Promestrien	10mg	Đặt	Viên đặt âm đạo	Viên		Nhóm 4	2.000	5.190	10.380.000
96	Ringer lactat		Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ gói	Chai/lọ/túi/ gói 500ml	Nhóm 4	38.990	7.747	302.055.530
97	Sắt sucrose (hay dextran)	100mg sắt	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 4	300	68.000	20.400.000
98	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Uống	Viên	Viên		Nhóm 4	2.600	125	325.000
Nhóm 5										

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Dạng trình bày	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
99	Amphotericin B	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 5	80	147.000	11.760.000
100	Bevacizumab	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 4ml	Nhóm 5	25	3.780.000	94.500.000
101	Bevacizumab	400mg/16ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống	Chai/lọ/túi/ ống 16ml	Nhóm 5	10	14.490.000	144.900.000
102	Carboprost	125mcg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ ống		Nhóm 5	4.800	171.900	825.120.000
103	Vắc xin phòng bệnh viêm phổi và nhiễm khuẩn toàn thân do phế cầu Streptococcus	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều		Nhóm 5	1.039	1.077.300	1.119.314.700
104	Vắc xin phòng Não mô cầu (nhóm A; nhóm C; nhóm Y; nhóm W-135)	0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều		Nhóm 5	800	1.050.000	840.000.000

- Tổng cộng: 104 thuốc
- Tổng giá trị gói thầu: 30.695.381.530 đồng
- Số tiền bằng chữ: Ba mươi tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi mốt ngàn, năm trăm ba mươi đồng